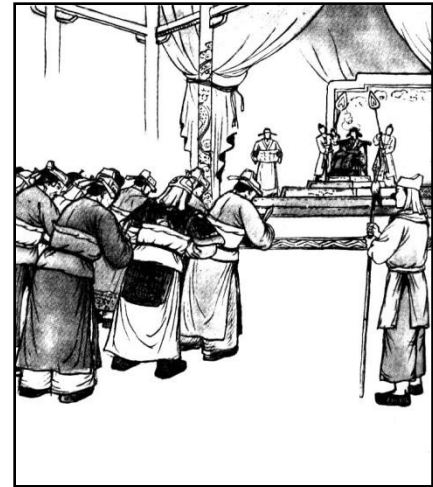


# Bài 18: Nguyễn Ánh

<b>Thu phục:</b>	<i>gather and conquer</i>	<b>Hiển phù:</b>	<i>offer up the prisoners of war</i>
<b>Pháp trường:</b>	<i>execution ground</i>	<b>Xử trị:</b>	<i>punish, execute</i>
<b>Quật:</b>	<i>dig up</i>	<b>Hàng:</b>	<i>surrender</i>

Nguyễn Ánh khởi binh chống nhà Tây Sơn ở đất Gia Định từ năm 1778, sau 24 năm, mới diệt được nhà Tây Sơn, thu phục được giang sơn cũ của chúa Nguyễn khi xưa và hợp cả nam bắc lại làm một mối. Khi việc đánh dẹp xong rồi, Nguyễn Ánh xưng đế hiệu, đặt quốc hiệu là Việt Nam, đóng đô ở Phú Xuân, tức là Huế bây giờ.

Khi lấy được đất Bắc Hà rồi, vua Gia Long xuống chỉ tha cho dân một vụ thuế, và thăng thưởng cho các tướng sĩ. Vua Gia Long lại phong tước cho con cháu nhà Lê, nhà Trịnh, cấp cho ruộng đất và trừ phong dịch cho dòng dõi hai họ ấy để giữ việc thờ phụng tổ tiên.



Nguyễn Ánh xưng đế, lấy hiệu là Gia Long.

Đến tháng 7 năm 1802, vua Gia Long về kinh, đem vua tôi nhà Tây Sơn về làm lễ hiển phù ở đền Thái Miếu, rồi đem ra tận pháp trường xử trị. Lại sai quật mả vua Thái Đức Nguyễn Nhạc và vua Thái Tổ Nguyễn Huệ lên, đem vớt thây đi, còn đầu thì đem bỏ giam ở trong ngục tối. Những văn thần nhà Tây Sơn như Ngô Thì Nhiệm, Phan Huy Ích ra hàng, đem nọc ra đánh ở trước văn miếu, rồi tha cho về.

Vua Gia Long định tội, thưởng công xong rồi, lo sửa sang mọi việc; làm đền Càn Chính để lập thường triều, đền Thái Hòa để lập đại triều; lại sai quân dân xây thành kinh đô và hoàng thành cùng các thành trì ở ngoài các doanh trấn.

Tuy rằng vua Gia Long đã đặt niên hiệu, lên ngôi từ năm 1802, nhưng mãi đến năm 1804, tức là Gia Long tam niên, vua nhà Thanh mới sai sứ sang phong vương. Đến năm 1806, vua Gia Long mới làm lễ xưng đế hiệu ở đền Thái Hòa.

## ***Trả Lời Câu Hỏi***

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Sau bao nhiêu năm Nguyễn Ánh mới thu phục được giang sơn?

---

---

---

2. Vua Gia Long lên ngôi, đặt quốc hiệu là gì?

---

---

---

3. Vua Gia Long làm gì với mã của Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ?

---

---

---

4. Vua Gia Long làm gì với những văn thần nhà Tây Sơn?

---

---

---

5. Vua Gia Long làm lễ xưng đế năm nào?

---

---

---

## ***Ngữ Vựng***

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Nguyễn Ánh ...sau 24 năm, mới diệt được nhà Tây Sơn, **thu phục** được giang sơn cũ của chúa Nguyễn. Từ “**thu phục**” có nghĩa là:
  - *Chia cắt đất đai và dăng cho người.*
  - *Lấy lại đất đai đã mất.*
  - *Xây dựng lại đất đai.*
2. Khi lấy được đất Bắc Hà rồi, vua Gia Long xuống **chỉ** tha cho dân một vụ thuế. Từ “**chỉ**” có nghĩa là:
  - *Lệnh của vua bằng văn bản.*
  - *Sớ tâu lên cho vua.*
  - *Sợi dây dùng để khâu.*
3. Vua Gia Long lại **phong tước** cho con cháu nhà Lê, nhà Trịnh... Từ “**phong tước**” có nghĩa là:
  - *Ban tặng chức vị.*
  - *Giam cầm.*
  - *Xử tử.*
4. ...vua Gia Long về kinh, đem vua tôi nhà Tây Sơn... ra tận **pháp trường** xử trị. Từ “**pháp trường**” có nghĩa là:
  - *Nơi hành hình.*
  - *Nơi làm luật pháp.*
  - *Trường học Pháp.*
5. Lại sai **quật** mả vua Thái Đức Nguyễn Nhạc và vua Thái Tổ Nguyễn Huệ lên... Từ “**quật**” có nghĩa là:
  - *Chôn cất.*
  - *Đào lên.*
  - *Sửa sang lại.*
6. Những văn thần nhà Tây Sơn... ra **hàng**, đem nọc ra đánh... Từ “**hàng**” có nghĩa là:
  - *Chịu thua, chịu thần phục.*
  - *Chống cự lại.*
  - *Xếp theo thứ tự.*

### *Thêm Dấu*

(Đọc cho các em thêm dấu.)

*Khi việc danh đẹp xong rồi, Nguyễn Anh xưng đế hiệu, đặt quốc hiệu là Việt Nam, đóng đô ở Phú Xuân, tức là Huế bây giờ.*

---

*Khi lấy được đất Bắc Hà rồi, vua Gia Long xuống chiatha cho dân một vụ thuế, và thăng thưởng cho các tướng sĩ.*

---

*Đến năm 1806, vua Gia Long mới làm lễ xưng đế hiệu ở đền Thái Hòa.*

## **Chính Tả**

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

---

---

---

---

---

## **Sửa Lỗi Chính Tả**

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

*Nguyễn Ánh khởi binh chống nhà Tây Sơn ở đất Gia Định từ năm 1778, sau 24 năm, mới diệt được nhà Tây Sơn, thu phục được giăng sơn cũ của chúa Nguyễn khi xưa. (3 lỗi)*

---

---

---

---

---

*Nhưng văn thân nhà Tây Sơn ra hàng, đem nọc ra dâng ở trước văn miếu, rồi tha cho về. (3 lỗi)*

---

---

---

---

---

## ***Thơ Lục Bát***

Thơ lục bát là loại thơ thuần túy Việt Nam bắt nguồn từ ca dao, vốn là loại văn chương bình dân truyền khẩu.

Thơ lục bát chia ra làm câu lục (6 chữ) và câu bát (8 chữ). Thơ lục bát bắt đầu bằng câu lục, tiếp theo là câu bát rồi lại đến câu lục... cứ như vậy cho hết bài. Bao nhiêu câu cũng được, điều cốt yếu là phải gieo đúng vần và phải theo đúng luật.

### **LUẬT BẰNG TRẮC**

Luật bằng trắc của thơ lục bát như sau:

b **B** t **T** b **B**

b **B** t **T** b **B** t **B**

**Bằng (b, B):** là những chữ không dấu hoặc dấu huyền.

**Trắc (t, T):** là những chữ có dấu sắc, hỏi, ngã hoặc dấu nặng.

Những chữ viết hoa thì phải theo cho đúng luật bằng trắc (chữ thứ 2, 4 và 6 của câu lục, chữ thứ 2, 4, 6 và 8 của câu bát).

### **LUẬT BÁT LUẬN**

*Nhất tam ngũ bất luận,  
Nhị tứ lục phân minh.*

Nghĩa là chữ thứ nhất, thứ ba và thứ năm trong mỗi câu không cần phải theo luật; chữ thứ nhì, thứ tư và thứ sáu cần phải theo luật rành rẽ.

Thí dụ:

*Năm xưa tận bến đò này,  
Người đi xin nhớ đến ngày hồi hương.*

## CÁCH GIEO VẦN

Chữ cuối cùng của câu lục sẽ cùng vần với chữ thứ sáu của câu bát. Chữ cuối cùng của câu bát sẽ cùng vần với chữ cuối của câu lục tiếp theo. Khi vần được gieo ở trong câu thì gọi là *yêu vận*; khi ở cuối câu thì gọi là *cước vận*.

Thí dụ:

Chiếc thuyền lơ lửng bên *sông*,  
Biết đem tâm sự ngỏ *cùng* ai **hay**.  
Chắc chi thiên hạ đời **nay**,  
Mà đem non nước làm **rầy** chiêm *bao*.  
Đã buồn về trận mưa *rào*,  
Lại đau vì nổi ào ào gió **đông**.  
Mây trôi nước chảy xuôi **dòng**,  
Chiếc thuyền hờ hững bên **sông** một *minh*.

Nguyễn Trãi

Trong câu bát, nếu chữ thứ sáu thuộc thượng bình thanh (không dấu) thì chữ thứ tám phải thuộc hạ bình thanh (có dấu huyền), hoặc trái lại.

Thí dụ:

Lựu phun lửa hạ mai **chào** gió *đông*.

**Chào**: hạ bình thanh (hay *trâm bình*).

**Đông**: thượng bình thanh (hay *phù bình*).

Ngàn sương rắc bạc, lá **ngô** rụng *vàng*.

**Ngô**: thượng bình thanh.

**Vàng**: hạ bình thanh.

Khi nào câu lục chia ra làm 2 đoạn rõ rệt thì chữ thứ nhì có thể đổi ra trắc được.

Thí dụ:

Khi *gió* mát, lúc trăng trong.

## LỤC BÁT BIẾN THỂ

Thơ lục bát biến thể là loại thơ lục bát thỉnh thoảng có xen vào một ít câu mà cách hiệp vận và luật bằng trắc bị biến đổi.

### 1. Cách Hiệp Vận Biến Đổi

Chữ cuối câu lục vần với chữ thứ tư câu bát, chứ không vần với chữ thứ sáu câu bát như thể lục bát thường.

Thí dụ:

*Đầu thời đội nón cỏ may,  
Mặt võ mình gầy, cầm sách giờ lâu.*

*Truyện Lý Công*

### 2. Luật Bằng Trắc Biến Đổi

Vì chữ yêu vận trong câu bát đổi chỗ, nên luật bằng trắc của câu bát cũng biến đổi như sau:

**t T b B t T b B**

Thí dụ:

*Mặt võ mình gầy, cầm sách giờ lâu.*

Luật bằng trắc của câu lục nhiều khi cũng biến đổi như sau:

**t T b B t B**

Thí dụ:

*Chẳng giậm thì thuyền chẳng đi.*

### 3. Số Chữ Biến Đổi

Cách đặt câu theo lục bát, song thỉnh thoảng xen vào những câu không tuân lệ lục bát.

Thí dụ:

*Sông kia nước chảy đôi dòng,  
Đèn khêu hai ngọn anh trông ngọn nào?  
**Muốn tắm mát lên ngọn sông Đào,**  
*Muốn ăn sim chín thì vào rừng xanh.  
Đôi tay vịn cả đôi cành,  
Quả chín thì hái, quả xanh thì đừng.**



## ***Bài Tập – Thơ Lục Bát***

1. Luật bát luận là gì?

---

---

---

---

---

2. Em hãy làm hai câu thơ theo thể lục bát để tả một người bạn.

---

---

---

---

---

3. Em hãy làm bốn câu thơ theo thể lục bát nói về tình thương của cha mẹ.

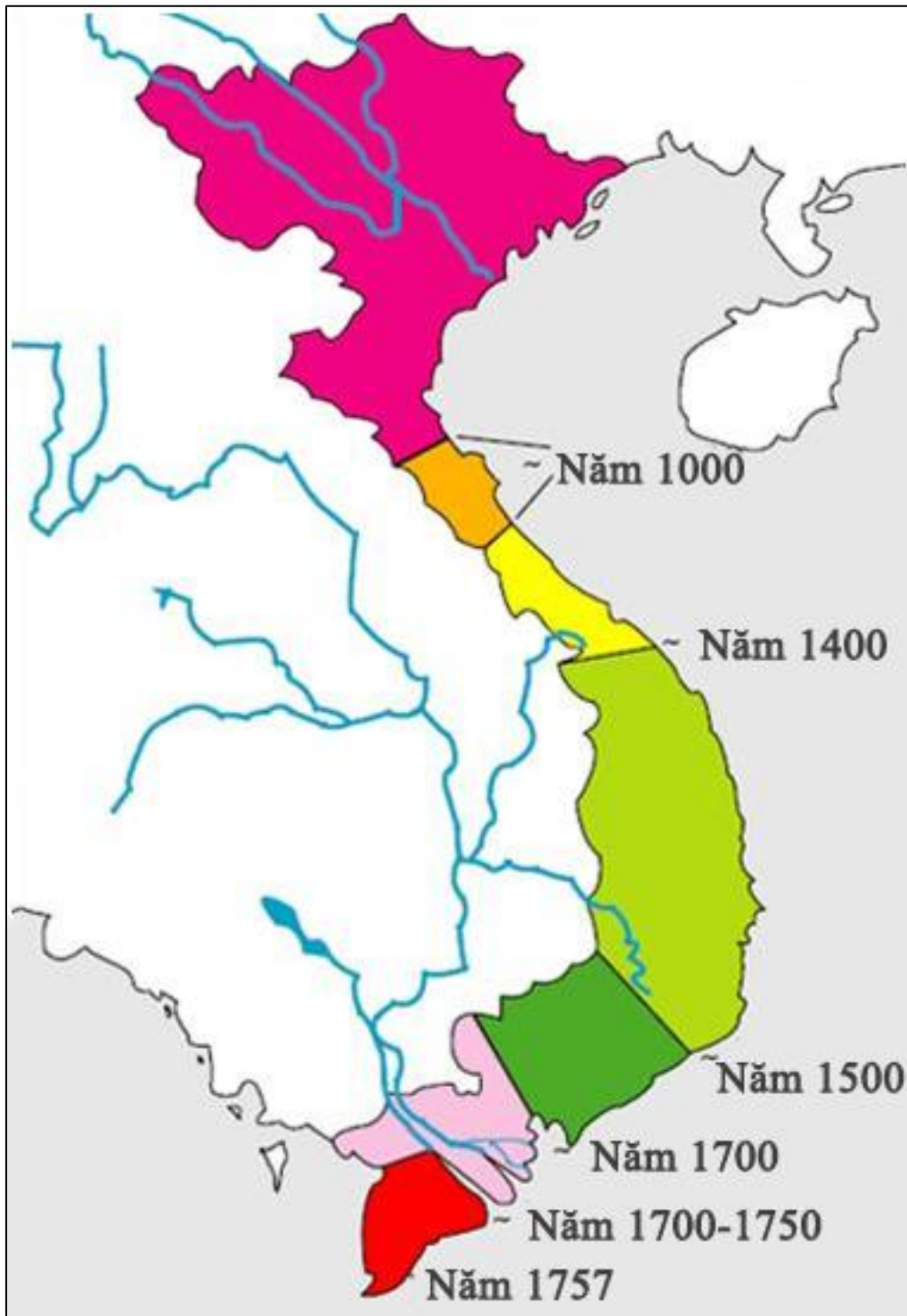
---

---

---

---

---



*Lãnh thổ Việt Nam qua các thời đại.*